

Số: 41 /KH-UBND

Bắc Giang, ngày 09 tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH

Duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) tỉnh Bắc Giang năm 2024 và những năm tiếp theo

Trên cơ sở phân tích kết quả Chỉ số đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Giang năm 2023 tại Báo cáo số 74/BC-KHCN ngày 21/3/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (sau đây gọi tắt là Chỉ số PII) năm 2024 và những năm tiếp theo của tỉnh Bắc Giang, với nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương về Chỉ số PII, về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số PII tỉnh Bắc Giang năm 2024 và những năm tiếp theo; phấn đấu đưa tỉnh Bắc Giang nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Duy trì Chỉ số PII của 04 trụ cột nằm trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước (so với kết quả năm 2023), bao gồm các trụ cột:

- Trụ cột 1. Thể chế bao gồm: Môi trường chính sách; Môi trường kinh doanh (đạt trên 67,23 điểm, xếp thứ hạng 04/63 tỉnh/thành phố);

- Trụ cột 3. Cơ sở hạ tầng bao gồm: Hạ tầng ICT; Hạ tầng chung và Môi trường sinh thái (đạt trên 69,32 điểm, xếp thứ hạng 05/63 tỉnh/thành phố);

- Trụ cột 5. Trình độ phát triển của doanh nghiệp bao gồm: Lao động có kiến thức; Liên kết sáng tạo; Hấp thu tri thức (đạt trên 43,96 điểm, xếp thứ hạng 07/63 tỉnh/thành phố);

- Trụ cột 7. Tác động bao gồm: Tác động đến sản xuất - kinh doanh; Tác động đến KT-XH (đạt trên 66,21 điểm, xếp thứ hạng 01/63 tỉnh/thành phố).

2.2. Phấn đấu cải thiện, nâng cao các Chỉ số PII của 03 trụ cột để đạt mục tiêu nằm trong nhóm 10 các địa phương dẫn đầu cả nước năm 2024 (so với kết quả năm 2023), bao gồm các trụ cột:

- Trụ cột 2. Vốn con người, Nghiên cứu và phát triển bao gồm: Giáo dục; Nghiên cứu và phát triển (đạt số điểm bình quân trên 50 điểm, nằm trong top 10 tỉnh/thành phố đứng đầu cả nước);

- Trụ cột 4. Trình độ phát triển của thị trường bao gồm: Tài chính và đầu tư; Quy mô thị trường (*đạt số điểm bình quân trên 60 điểm, nằm trong top 10 tỉnh/thành phố đứng đầu cả nước*);

- Trụ cột 6. Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ bao gồm: Sáng tạo tri thức; Tài sản vô hình; Lan tỏa tri thức (*đạt số điểm bình quân trên 50 điểm, nằm trong top 10 tỉnh/thành phố đứng đầu cả nước*).

2.3. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao 17 chỉ số thành phần của Chỉ số PII năm 2023 có điểm số thấp.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan:

Rà soát các chỉ số thành phần của Chỉ số PII thuộc lĩnh vực ngành, đơn vị, địa phương quản lý; chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai có hiệu quả ở cấp địa phương, đơn vị đạt mục tiêu đề ra, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế-xã hội. Triển khai có chất lượng, đúng tiến độ các tiêu chí và tiêu chí thành phần theo lĩnh vực của đơn vị, địa phương được phân công theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

2. Các cơ quan được giao chủ trì triển khai các chỉ số thành phần thuộc lĩnh vực ngành, đơn vị quản lý; thực hiện cung cấp số liệu, tài liệu phục vụ công tác tính toán, đánh giá Chỉ số PII từ năm 2024 và những năm tiếp theo, cụ thể như sau:

2.1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần: Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản thúc đẩy phát triển và ứng dụng KHCN&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của tỉnh bao gồm: Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; đổi mới công nghệ; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tài sản trí tuệ; phát triển thị trường công nghệ.

- Tham mưu phát triển các tổ chức KH&CN, thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ; tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký xác lập quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ.

- Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường KH&CN; phát triển, tăng số lượng doanh nghiệp KH&CN; nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương.

2.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương.

- Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao và đạt các mục tiêu theo Kế hoạch của UBND tỉnh về chỉ số PCI, trong đó có tích hợp các chỉ số thành phần của Chỉ số PII như: Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Chi phí gia nhập thị trường; Tính năng động của chính quyền địa phương; Cạnh tranh bình đẳng; Cơ sở hạ tầng cơ bản;...

- Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần “Chi phí gia nhập thị trường”, “Mật độ doanh nghiệp”.

- Tham mưu bố trí kinh phí chi đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương.

2.3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học.

- Tham mưu tổ chức đa dạng các cuộc thi lĩnh vực KH&CN cho học sinh THCS, THPT trong tỉnh, tuyên truyền, khuyến khích nhằm nâng cao tỉ lệ học sinh THCS và THPT tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

- Phối hợp với Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Tỉnh đoàn thanh niên: tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng hàng năm, nhằm nâng cao tỉ lệ học sinh tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

2.4. Sở Công Thương

Tham mưu triển khai các giải pháp liên quan chương trình phát triển cụm công nghiệp, tạo môi trường thuận lợi thu hút các dự án đầu tư, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp, phát triển dịch vụ logistics.

2.5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tham mưu, triển khai các giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế khu vực nông thôn thông qua các hoạt động KH&CN&ĐMST trong sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ truyền thống; tiếp tục nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP góp phần tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

2.6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tham mưu triển khai và tổ chức thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số Chuyển đổi số (Chỉ số DTI do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và công bố), trong đó chú trọng và nâng cao các chỉ số thành phần Hạ tầng số, Cơ sở hạ tầng cơ bản (*loại hạ tầng viễn thông*).

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn triển khai, phát triển hạ tầng viễn thông đồng bộ, hiện đại và đáp ứng cho nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.

2.7. Sở Tài chính

Tham mưu, bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương.

2.8. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu triển khai các giải pháp để duy trì, cải thiện và nâng cao kết quả các Chỉ số Cải cách hành chính (*PAR INDEX*), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (*SIPAS*), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (*PAPI*) tỉnh Bắc Giang; cung cấp thông tin, số liệu và tài liệu minh chứng về các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc tại các cơ quan nhà nước thuộc UBND tỉnh.

2.9. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

Tham mưu và triển khai chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút các nhà đầu tư, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp.

2.10. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Giang, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Bắc Giang

Tham mưu triển khai các giải pháp liên quan đến chính sách tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao chỉ số thành phần về Tín dụng cho khu vực tư nhân, vay tài chính vi mô.

2.11. Cục Thống kê tỉnh

Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu phục vụ báo cáo Chỉ số PII của tỉnh Bắc Giang.

(có Phụ lục phân công nhiệm vụ kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ nhiệm vụ được giao, bám sát nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch này chỉ đạo tổ chức xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể tại đơn vị và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này. Phân công đơn vị, cán bộ làm đầu mối thực hiện tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện cải thiện chỉ số thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý.

- Chủ động tìm hiểu nội hàm, ý nghĩa nguồn dữ liệu, phương pháp tính toán của từng chỉ số; Phân tích, nghiên cứu kết quả đánh giá từng chỉ số để xây dựng và triển khai các giải pháp để cải thiện, nâng cao giá trị và xếp hạng của các chỉ số thành phần, góp phần nâng cao Chỉ số PII của tỉnh.

- Cử cán bộ đầu mối của đơn vị tham gia thu thập, phân tích dữ liệu; gửi danh sách về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và phối hợp triển khai.

- Hằng năm, chủ động phân tích, đánh giá các chỉ tiêu được giao chủ trì, báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thu thập đầy đủ số liệu và tài liệu minh chứng để phục vụ tính toán Chỉ số PII của tỉnh Bắc Giang hàng năm đảm bảo theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Theo dõi, đôn đốc, đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch này của các sở, ban, ngành, UBND các địa phương, đơn vị; tổng hợp báo cáo định kỳ Bộ Khoa học và Công nghệ; báo cáo UBND tỉnh (sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố kết quả Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương hàng năm).

3. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố được giao làm cơ quan đầu mối, chủ trì, tham mưu thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần của Chỉ số PII chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ kèm theo Kế hoạch này gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của ngành, đơn vị năm 2024 và những năm tiếp theo.

Trên đây là Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh Bắc Giang năm 2024 và những năm tiếp theo; yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PT&TH Bắc Giang;
- Các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, KGVX.Dũng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Sơn

Phụ lục
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO ĐIỂM SỐ
CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ PII NĂM 2024 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /7/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần của Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Mức điểm số năm 2023	Mục tiêu phần đầu năm 2024	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	<i>Chỉ số: 1.1.1. Chính sách thúc đẩy KH,CN&ĐMST phục vụ phát triển kinh tế xã hội (STI)</i>	12.76	≥ 20	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan		Thường xuyên
	<p>- Triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách của các cấp về hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, đơn vị. Chú trọng các chính sách tài chính, đầu tư, quản lý và sử dụng tài sản công, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ, phát triển công nghệ số, công nghệ cao, bảo hộ sở hữu trí tuệ.</p> <p>- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền. Bảo đảm sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước và có chính sách thu hút nguồn lực từ doanh nghiệp dành cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới</p>					

	<p>sáng tạo; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại áp dụng vào sản xuất và đời sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường nguồn lực xã hội đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhất là từ doanh nghiệp; tiếp tục đầu tư để phát triển, hiện đại hóa hạ tầng và tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao vị trí, vai trò và đóng góp của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị. - Phát triển thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Theo đó, thúc đẩy sử dụng dữ liệu dùng chung, chia sẻ, mở theo hướng đa ngành, liên ngành và xuyên ngành để nâng hiệu quả đầu ra của các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Khuyến khích xây dựng và phát triển khoa học mở. - Bảo hộ, thực thi phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phù hợp với các hiệp định thương mại mới; xây dựng các văn bản hướng dẫn bảo đảm hiệu quả việc thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, khắc phục tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. - Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích, hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, các bên cùng có lợi; chủ động, kịp thời cập nhật, ứng dụng phát triển các dịch vụ, sản phẩm chủ lực góp phần xây dựng thương hiệu địa phương. 					
2	Chỉ số: 2.2.3. Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ/GRDP (%)	2.43	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành và các đơn vị liên quan	Hàng năm

	Căn cứ nguồn cấp kinh phí từ ngân sách Nhà nước chi cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ hàng năm. Triển khai hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN thông qua các đề tài, dự án được triển khai ở các lĩnh vực như khoa học nông nghiệp, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn.					
3	Chỉ số: 2.2.4. Số tổ chức khoa học và công nghệ/10.000 dân	14.72	≥ 20	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành và các đơn vị liên quan	Thường xuyên
	<p>- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, ... đến các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; tổ chức các hoạt động trao đổi, tư vấn, hướng dẫn các doanh nghiệp có đủ điều kiện thành lập tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định.</p> <p>- Tiếp tục cụ thể hóa Kế hoạch số 4467/KH-UBND ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2025. Phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực: Điện, tự động hóa, cơ khí chế tạo; vật liệu xây dựng; sản xuất, chế biến nông nghiệp sạch; dược phẩm; sản xuất thuốc thú y; nước sạch; chế biến thực phẩm, nông lâm thủy sản...</p>					
4	Chỉ số: 6.1.1. Đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và giải pháp hữu ích/10.000 dân	18.31	≥ 20	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành và các đơn vị liên quan	Thường xuyên

	Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ (SHTT) rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của SHTT trong cuộc sống. Đặc biệt nâng cao nhận thức, kiến thức về SHTT cho các nhà quản lý, nhà khoa học và các đối tượng có liên quan để giúp họ tự tin và có trách nhiệm phải đăng ký sáng chế hoặc giải pháp hữu ích để chuyển giao phục vụ sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.					
5	Chỉ số: 6.2.3. Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp/10.000 dân	2.81	≥ 5	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành và các đơn vị liên quan	Thường xuyên
	Tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp cho các tổ chức, cá nhân; phối hợp với các đơn vị liên quan hỗ trợ phát triển, thương mại hoá các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp khi được cấp văn bằng và ứng dụng trong cuộc sống, sản xuất, kinh doanh.					
6	Chỉ số: 6.3.3. Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương	0.00	$\geq 10\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan	Thường xuyên
	- Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ các doanh nghiệp KHCN tiếp cận, tham gia các đề án, chương trình khoa học và công nghệ quốc gia, của tỉnh để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và sản xuất kinh doanh sản phẩm hình thành từ					

	<p>kết quả nghiên cứu khoa học.</p> <p>- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp kết quả khoa học và công nghệ ứng dụng vào sản xuất kinh doanh, tạo sản phẩm có tính cạnh tranh để thành lập doanh nghiệp KHCCN.</p>					
7	Chỉ số: 1.2.1. Chi phí gia nhập thị trường	20.34	≥ 30	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và các đơn vị liên quan	Thường xuyên
	<p>- Công khai danh mục và nội dung chi tiết thủ tục hành chính mới sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp theo Quyết định 855/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Website của Sở cũng như tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.</p> <p>- Thường xuyên cập nhật, hệ thống hoá, biên tập thủ tục hành chính (TTHC) đang còn hiệu lực thi hành thuộc thẩm quyền giải quyết niêm yết công khai đồng thời bản giấy, tra cứu điện tử, tạo mã QRcode tra cứu TTHC tại Bộ phận “Một cửa” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; niêm yết công khai bản điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cổng thông tin của Sở.</p> <p>- Cập nhật, mẫu hoá các TTHC thường xuyên phát sinh thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp nhằm tăng tỷ lệ tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ hợp lệ ngay từ lần nộp đầu tiên và giảm tỷ lệ hồ sơ sửa đổi, bổ sung ở mức thấp nhất.</p> <p>- Đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền; tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh việc thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực</p>					

	<p>tuyển và nhận kết quả qua đường bưu điện; đảm bảo duy trì tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt trên 90%.</p> <p>- Hỗ trợ 100% chi phí gửi kết quả giải quyết TTHC qua đường bưu điện giúp cắt giảm tối đa chi phí thời gian, chi phí tuân thủ TTHC cho người dân, doanh nghiệp.</p> <p>- Thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đăng ký thành lập mới doanh nghiệp, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định số 3130/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.</p> <p>- Triển khai thực hiện tốt việc liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp.</p>					
8	<i>Chỉ số: 4.2.1. Số doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn, KH&CN/1.000 doanh nghiệp đang hoạt động</i>	18.90	≥ 25	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Khoa học và Công nghệ, Cục Thống kê tỉnh và các đơn vị liên quan	Thường xuyên
	<p>- Thực hiện các giải pháp về cải cách thủ tục hành chính, khuyến khích thu hút các dự án đầu tư về dịch vụ, chuyên môn, khoa học công nghệ.</p> <p>- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách phát triển doanh nghiệp KH&CN; các chương trình, kế hoạch hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN tới các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.</p>					
9	<i>Chỉ số: 4.2.2. Mật độ doanh nghiệp doanh nghiệp đang hoạt động bình quân/1.000 dân</i>	21.05	≥ 30	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Thường xuyên

<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 105-NQ/TU ngày 28/4/2021 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh. - Các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành nghiên cứu, rà soát danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện, kiến nghị các phương án; tập trung dỡ bỏ rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý, khác biệt của các quy định pháp luật. - Công khai, minh bạch thông tin về các chủ trương, chính sách, hỗ trợ đối với doanh nghiệp; công bố rộng rãi, đầy đủ và kịp thời thông tin về quy hoạch tỉnh; quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp; quy hoạch, chương trình phát triển ngành, lĩnh vực bằng nhiều hình thức (đăng tải trên website của các đơn vị, địa phương, trên các nhóm zalo, tổ chức Hội...) để các doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận, khai thác và nghiên cứu. - Tổ chức các hội nghị, hội thảo, khoá tập huấn cho các đối tượng là doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm nâng cao năng lực quản trị, quản lý điều hành, thông tin các cơ chế chính sách, pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. - Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các biện pháp phù hợp, thiết thực, hiệu quả như: phối hợp các tổ chức hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức các hội nghị gặp gỡ nhằm nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và kịp thời tham mưu, giải 					
---	--	--	--	--	--

	quyết cho doanh nghiệp.					
10	Chỉ số: 2.1.2. Tỷ lệ học sinh trung học tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học và kỹ thuật	1.64	≥ 10	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan	Thường xuyên
	<p>- Chỉ đạo các nhà trường đưa hoạt động nghiên cứu khoa học và cuộc thi khoa học kỹ thuật (KHKT) vào nhiệm vụ năm học, xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của năm học và là hoạt động thường xuyên đối với các cơ sở giáo dục trung học. Chú trọng triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường trung học gắn với dạy học STEM. Mỗi cơ sở giáo dục trung học xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học; tổ chức phát động phong trào, vận dụng kiến thức liên môn giải quyết vấn đề thực tiễn để xây dựng các chủ đề/bài học STEM phù hợp với Kế hoạch giáo dục nhà trường và cuối năm tổng kết, đánh giá việc thực hiện Giáo dục STEM của đơn vị.</p> <p>- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai giáo dục STEM trong giáo dục trung học; coi giáo dục STEM là một nhiệm vụ góp phần thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông. Duy trì, bồi dưỡng, khuyến khích và phát triển các ý tưởng, các đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, có tính khả thi.</p> <p>- Tiếp tục tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học, công tác nghiên cứu khoa học; duy trì và đẩy mạnh công tác nghiên cứu KHKT trong giáo viên và học sinh, duy trì và nâng cao chất lượng Cuộc thi KHKT học sinh trung học các cấp.</p>					

	- Tích cực hưởng ứng và phối hợp với các đơn vị có liên quan để tham gia có hiệu quả Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật cấp tỉnh, Cuộc thi Sáng tạo thanh, thiếu niên nhi đồng các cấp; khuyến khích các đơn vị và cá nhân tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp tỉnh.					
11	<i>Chỉ số: 2.2.1. Nhân lực nghiên cứu và phát triển/10.000 dân</i>	6.31	≥ 10	Các sở, ngành và đơn vị liên quan		Thường xuyên
	<p>- Phát triển nhân lực khoa học công nghệ, khuyến khích khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực khoa học công nghệ; tăng cường cơ chế hợp tác công - tư trong đào tạo nhân lực khoa học công nghệ. Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách thu hút, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, kể cả người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>- Phát triển tổ chức khoa học công nghệ công lập theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy các hoạt động phối hợp giữa tổ chức khoa học công nghệ với doanh nghiệp trong thực hiện các nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>- Phát triển mạnh mẽ các khu công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm, nhóm nghiên cứu mạnh, hạ tầng thông tin và thống kê về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng hiện đại, tiếp cận trình độ các nước tiên tiến.</p>					

	- Kịp thời biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều hoạt động đổi mới sáng tạo, sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới mang lại hiệu quả thiết thực.					
12	Chỉ số: 2.2.2. Tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương/GRDP (%)	17.07	≥ 25	Sở Tài chính	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Hàng năm
	Căn cứ ngân sách của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh hàng năm bố trí tăng từ 10 - 15% kinh phí cho sự nghiệp khoa học và công nghệ.					
13	Chỉ số: 3.1.1. Hạ tầng số	46.75	≥ 55	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành và các đơn vị liên quan	Thường xuyên
	- Thực hiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng số; tăng cường dùng chung hạ tầng viễn thông, dùng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng của các ngành khác... - Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông tổ chức triển khai thực hiện. - Hướng dẫn các cơ quan báo chí thông tin, tuyên truyền về nội dung kế hoạch này và kết quả phát triển hạ tầng viễn thông phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang. - Phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông, triển khai các giải pháp định hướng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ, năng					

	<p>lực cạnh tranh.</p> <p>- Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin quản lý hạ tầng viễn thông tích hợp với bản đồ số; thực hiện chuyên đổi số trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông.</p> <p>- Phối hợp với Sở, ban, ngành liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp viễn thông.</p>					
14	Chỉ số: 4.1.1. Tín dụng cho khu vực tư nhân/1.000 lao động có việc làm (tỷ đồng).	7.57	≥ 15	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Bắc Giang	Các sở, ngành và các đơn vị liên quan	Thường xuyên
	<p>- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh thực hiện có hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh huy động vốn và mở rộng cho vay; tập trung vốn hỗ trợ cho vay các lĩnh vực ưu tiên, nhất là các dự án, phương án phục vụ chương trình trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm của tỉnh, tập trung cho vay các chương trình tín dụng (<i>đặc biệt là chương trình cho vay giải quyết việc làm</i>), chương trình tín dụng theo các ngành kinh tế, khu vực kinh tế tư nhân theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>- Các tổ chức tín dụng tiếp tục rà soát lại toàn bộ các quy trình, thủ tục cung cấp sản phẩm dịch vụ để cắt bỏ những giấy tờ không hợp lý; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số để rút ngắn thời gian giao dịch, dễ thực hiện, giảm thiểu phiền hà cho khách hàng.</p>					
15	Chỉ số: 5.2.2. Tỷ lệ dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp/1.000 doanh nghiệp đang hoạt động	20.0	$\geq 25\%$	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan	Thường xuyên

	<p>- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; kịp thời đề xuất với cơ quan có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp.</p> <p>- Chỉ đạo các chủ đầu tư các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh tích cực phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh trong việc đôn đốc, chỉ đạo nhà đầu tư thứ cấp đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, sớm đưa dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đề ra.</p>						
16	<i>Chỉ số: 5.2.3. Tỷ lệ các dự án đang hoạt động trong các cụm công nghiệp/1.000 doanh nghiệp đang hoạt động</i>	4.46	$\geq 10\%$	Sở Thương	Công	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Thường xuyên
	<p>- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; kịp thời đề xuất với cơ quan có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhằm đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.</p> <p>- Chỉ đạo chủ đầu tư các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh tích cực đôn đốc, phối hợp với nhà đầu tư thứ cấp đẩy nhanh công tác đầu tư xây dựng nhà máy, đưa dự án vào hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng tiến độ.</p>						

17	Chỉ số: 7.1.2. Số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên/tổng số đơn vị hành chính cấp xã	18.79	≥ 25	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành và các đơn vị liên quan	Thường xuyên
	<p>- Phát triển sản phẩm OCOP theo quy trình, tiêu chuẩn của Bộ tiêu chí OCOP gắn với lợi thế và điều kiện của từng địa phương, bao gồm: Các đặc sản, sản phẩm truyền thống gắn với lợi thế về điều kiện sản xuất, giá trị văn hóa địa phương, đặc biệt là sản phẩm các làng nghề, nghề truyền thống, dịch vụ du lịch nông thôn; Các sản phẩm mới hình thành dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ, nền tảng lợi thế của địa phương, có chất lượng nổi trội, đặc sắc, trong đó ưu tiên: Sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống; Sản phẩm được chế biến, chế biến sâu từ sản phẩm đặc sản, nguyên liệu địa phương và tri thức bản địa; Sản phẩm có đóng góp vào bảo tồn văn hóa truyền thống, ...</p> <p>- Tăng cường đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho chủ thể OCOP về chuyển đổi số; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất; các kỹ năng về quản trị; marketing, bán hàng; kỹ năng về thiết kế bao bì, ghi nhãn và mẫu mã sản phẩm; sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị, tăng cường sử dụng và khai thác thương hiệu cộng đồng các sản phẩm từ khu vực nông thôn. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn với chuỗi liên kết giá trị sản phẩm OCOP.</p> <p>- Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2024-2025 theo Nghị quyết số 67/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND</p>					

<p>tỉnh Bắc Giang và các chính sách có liên quan của trung ương và của tỉnh. Đồng thời tiếp tục nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030.</p> <p>- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quá trình triển khai thực hiện. Số hóa quy trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP trên phần mềm; số hóa sản phẩm và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị sản phẩm OCOP, hướng tới hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về Chương trình OCOP.</p> <p>- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu cho sản phẩm OCOP thông qua các hội chợ, triển lãm, sự kiện tôn vinh, quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP; thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm OCOP gắn với thị trường du lịch và xúc tiến thương mại trên nền tảng công nghệ số, ứng dụng công nghệ thông tin, gắn với khai thác lợi thế về du lịch nông thôn.</p> <p>- Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, giám sát việc áp dụng các chính sách, quy định về đánh giá, phân hạng sản phẩm tại các huyện, thành phố <i>Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND tỉnh</i>).</p>					
--	--	--	--	--	--